UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1922 /QĐ-UBND	*Vĩnh Cửu, ngày 07 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do huyện quản lý.

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1882/QĐ-UBND ngày 03/7/2023 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 19 tháng 06 năm 2023 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do huyện quản lý;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 83/TTr.TC-KH ngày 04 tháng 7 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do huyện quản lý.

(Đính kèm biểu chi tiết).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Các phòng, Ban, cơ quan chuyên môn được UBND huyện giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư, Chủ tịch UBND các xã, TT Vĩnh An tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND Tỉnh Đồng Nai;(b/c)
- Sở Tài chính; (b/c)
- TT Huyện ủy, TTHĐND huyện; (b/c)
- CT, Các Phó Chủ Tịch UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Toà án nhân dân huyện;
- MTTQVN + Các đoàn thể huyện;
- Chánh, Phó VP HĐND &UBND huyện;
- UBND các xã, TT. Vĩnh An;
- C,P HĐND&UBND, Phòng TC-KH.
- Lưu: VT + THKT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Quang Phương

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BIỂU CÔNG BỐ CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ CÁC NGUỒN KHÁC DO HUYỆN QUẢN LÝ

(Kèm theo Quyết định số 1922 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của UBND huyện Vĩnh Cửu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Chủ đầu tư	Ghi chú
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT	THU PHÍ SDHT		
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10		11	12	13
	DỰ KIẾN NGUỒN VỐN (2021-2025)			**2.315.685**	**1.872.955**	**645.808**	**457.097**	**656.000**	**30.050**	**70.000**	**14.000**		
	KẾ HOẠCH PHÂN BỔ NGUỒN VỐN			**2.315.685**	**1.872.955**	**645.808**	**457.097**	**656.000**	**30.050**	**70.000**	**14.000**		
I	**Trả nợ nguồn vốn vay + vốn cấp phát sau quyết toán**			**22.072**	**22.072**	**22.072**	**0**	**0**	**0**		**0**		
1	Trả nợ vốn vay		2021	2.427	2.427	2.427							
2	Cấp phát sau quyết toán			19.645	19.645	19.645							
II	**Lĩnh vực giao thông**			**1.297.115**	**730.346**	**258.837**	**36.890**	**372.569**	**30.050**	**32.000**	**-**		
I.1	**Công trình chuyển tiếp**			**331.557**	**187.015**	**66.899**	**-**	**120.116**	**-**	**-**	**-**		
1	Đường Vĩnh Tân - Tân An (giai đoạn 1)	Xã Vĩnh Tân - Tân An	2020-2023	16.800	8.731	8.731						Ban QLDA	
2	Nâng cấp Hương lộ 9 Thành Đức - Tân Bình	Xã Tân Bình	2019-2023	169.989	99.197	23.698		75.499				Ban QLDA	
3	Nâng cấp Hương lộ 7 Tân Bình - Bình Lợi	Xã Tân Bình - Bình Lợi	2019-2023	143.268	77.587	33.970		43.617				Ban QLDA	
4	Nâng cấp Hương lộ 15	Xã Tân Bình - Bình Lợi	2019-2022	1.200	1.200	200		1.000				Ban QLDA	
5	Hỗ trợ UBND xã Thiện Tân bồi thường Xây dựng đường Ông Thanh nhánh 1	Thiện Tân	2019-2021	220	220	220						UBND xã Thiện Tân	
6	Hỗ trợ UBND xã Thiện Tân bồi thường Xây dựng đường Ông Thanh nhánh 2	Thiện Tân	2019-2021	80	80	80						UBND xã Thiện Tân	
II.2	**Dự án khởi công mới**			**965.558**	**543.331**	**191.938**	**36.890**	**252.453**	**30.050**	**32.000**	**-**		
	Lĩnh vực giao thông (huyện quản lý)			**828.622**	**458.319**	**163.703**	**20.000**	**242.616**	**-**	**32.000**	**-**		
1	Xây dựng vỉa hè tuyến đường ĐT.768 nối dài giai đoạn 2 (đoạn còn lại)	TT Vĩnh An	2023-2025	52.525	52.000	52.000						Ban QLDA	
2	Xây dựng cầu tổ 6A khu phố 6 nối khu phố 5	TT Vĩnh An	2022-2024	5.532	5.189	5.189						Ban QLDA	
3	Đường khu tái định cư ấp Bình Chánh	Xã Tân An	2022-2024	5.722	5.470	5.470						Ban QLDA	
4	Xây dựng vỉa hè tuyến đường ĐT.768 nối dài giai đoạn 1 (đoạn từ TTGDNN-GDTX đến giáp đường ĐT 762)	TT Vĩnh An	2021-2023	14.500	13.544	13.544						Ban QLDA	
5	Cầu và đường dẫn Bình Lục - Tân triều	Xã Tân Bình	2022-2024	37.847	37.000	37.000						Ban QLDA	
6	Đường Kỳ Lân, xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2021-2023	140.101	78.000		20.000	58.000				Ban QLDA	
7	Nâng cấp đường Chu Văn An, TT Vĩnh An	TT Vĩnh An	2022-2024	75.000	75.000	500		42.500		32.000		Ban QLDA	
8	Xây dựng đường N3 (đường Ngô Quyền), giai đoạn 1 và đường số 10 trong khu Trung tâm Văn hóa - thông tin và thể thao huyện	TT Vĩnh An	2023-2025	22.116	22.116			22.116				Ban QLDA	
9	Nâng cấp đường Hương Lộ 6, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2026	411.882	150.000	50.000		100.000				Ban QLDA	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Chủ đầu tư	Ghi chú
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT	THU PHÍ SDHT		
10	Đường Lý Thái tổ, đoạn từ ĐT.762 đến đường Võ Văn Tần	TT Vĩnh An	2023-2025	63.397	20.000			20.000				Ban QLDA	
	Đường xã, đầu tư XHH			**136.936**	**85.012**	**28.235**	**16.890**	**9.837**	**30.050**	-	-		
1	Đường Kênh N1 (Đoạn còn lại), xã Tân An	Xã Tân An	2021-2023	4.914	2.183	2.036			147			UBND xã Tân an	
2	Đường tổ 3, ấp 3, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2023	1.190	595	595						UBND xã Phú Lý	
3	Đường tổ 10, ấp 4, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	1.841	827	827						UBND xã Phú Lý	
4	Đường tổ 8-N2, ấp Bàu Phụng, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	5.961	4.338	4.338						UBND xã Phú Lý	
5	Đường số N7, liên ấp 1&3 (GĐ 1), xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	25.484	15.075	15.075						UBND xã Phú Lý	
6	Đường nhánh tổ 10, ấp 2, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2023-2025	625	283	283						UBND xã Hiếu Liêm	
7	Đường nội đồng Giáo Tùng (giai đoạn 2), xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	4.286	1.827	1.827						UBND xã Bình Lợi	
8	Đường hẻm 12-14 ấp Bình Ý	Xã Tân Bình	2023-2025	1.185	529	529						UBND xã Tân Bình	
9	Đường hẻm 21, đường sân banh ấp Bình Ý	Xã Tân Bình	2023-2025	913	409	409						UBND xãTân Bình	
10	Đường hẻm 291, 169 ấp Bình Lục	Xã Tân Bình	2023-2025	1.176	524	524						UBND xã Tân Bình	
11	Đường số 8, ấp 1, xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2023-2025	2.387	1.058	1.058						UBND xã Mã Đà	
12	Đường số 9, ấp 1, xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2023-2025	913	407	407						UBND xã Mã Đà	
13	Đường số 11 giai đoạn 2 ấp 1, xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2023-2025	725	327	327						UBND xãMã Đà	
14	Đường tổ 05, ấp 1 xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2020-2022	761	245		245					UBND xã Vĩnh Tân	
15	Đường liên ấp 3-6 nhánh 2, ấp 3, xã Vĩnh Tân (giai đoạn 2)	Xã Vĩnh Tân	2020-2022	1.723	1.339		512	827				UBND xã Vĩnh Tân	
16	Đường liên ấp 2-5 nhánh 1, xã Vĩnh Tân (giai đoạn 2)	Xã Vĩnh Tân	2020-2022	1.923	1.411		614	797				UBND xã Vĩnh Tân	
17	Đường tổ 2-4 ấp 5, xã Vĩnh Tân (Đường liên ấp 2-5 nhánh 2, xã Vĩnh Tân)(giai đoạn 2)	Xã Vĩnh Tân	2020-2022	1.476	1.209		519	690				UBND xã Vĩnh Tân	
18	Đường Cây Cầy đi Long Thành (giai đoạn 3), xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	251	198		80		118			UBND xã Phú Lý	
19	Đường tổ 5 ấp Cây Cầy, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	920	722		310		412			UBND xã Phú Lý	
20	Đường tổ 9, ấp Cây Cầy, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	909	709		303		406			UBND xã Phú Lý	
21	Đường tổ 10, ấp Cây Cầy, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	717	563		241		322			UBND xã Phú Lý	
22	Đường Bàu Điền, ấp 4, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	12.580	9.000		4.000		5.000			UBND xã Phú Lý	
23	Đường Tổ 3, ấp 1, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	813	670		282		388			UBND xã Phú Lý	
24	Đường Tổ 7, ấp 4, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	1.269	1.026		436		590			UBND xã Phú Lý	
25	Đường tổ 56, ấp Bàu Phụng xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	1.032	859		347		512			UBND xã Phú Lý	
26	Đường tổ 2, ấp 5, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2022-2024	1.774	1.409		558		851			UBND xã Vĩnh Tân	
27	Đường tổ 11, ấp 4, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2022-2024	1.968	1.568		611		957			UBND xã Vĩnh Tân	
28	Đường tổ 11, ấp 6, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2022-2024	1.834	1.461		570		891			UBND xã Vĩnh Tân	
29	Đường tổ 9, ấp 2, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2022-2024	458	360		152		208			UBND xã Hiếu Liêm	
30	Đường nhánh tổ 16, ấp 3, nhánh 1, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2022-2024	520	408		172		236			UBND xã Hiếu Liêm	
31	Đường nhánh tổ 16, ấp 3, nhánh 3, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2022-2024	675	532		223		309			UBND xã Hiếu Liêm	
32	Đường Tổ 15, ấp 1 xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2022-2024	798	624		273		351			UBND xã Mã Đà	
33	Đường Hẻm tổ 6-8 và Hẻm chợ cũ ấp 1, xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2022-2024	917	717		312		405			UBND xã Mã Đà	
34	Nâng cấp, sửa chữa Đường Bà Bèn xã Trị An	Xã Trị An	2022-2024	3.106	2.432		1.056		1.376			UBND xã Trị An	
35	Nâng cấp Sửa chữa đường xóm Huế (đoạn 1) xã Trị An	Xã Trị An	2022-2024	2.638	2.164		923		1.241			UBND xã Trị An	
36	Đường Xóm Dừa, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022-2024	1.020	802		338		464			UBND xã Thạnh Phú	
37	Hẻm Tổ 12, 14, ấp 2 xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022-2024	455	359		149		210			UBND xã Thạnh Phú	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Chủ đầu tư	Ghi chú
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT	THU PHÍ SDHT		
38	Hẻm 668, 520, đường ĐT 768, ấp 4 xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022-2024	253	201		77		124			UBND xã Thạnh Phú	
39	Hẻm 33, đường Cây Dầu, ấp 4, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022-2024	807	633		270		363			UBND xã Thạnh Phú	
40	Hẻm Tổ 4, ấp 3, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022-2024	181	145		54		91			UBND xã Thạnh Phú	
41	Hẻm tổ 7, ấp 5, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022-2024	540	425		177		248			UBND xã Thạnh Phú	
42	Nâng cấp đường vào xóm Miễu Bà – Vũng Vọng, ấp 1, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022-2024	1.034	809		350		459			UBND xã Thạnh Phú	
43	Đường nhánh 1-2-3, tổ 3-10-13, KP 3, TT Vĩnh An	TT Vĩnh An	2022-2024	978	782		297		485			UBND TT Vĩnh An	
44	Đường số 10, tổ 12-13 khu phố 1, thị trấn Vĩnh An	TT Vĩnh An	2022-2024	904	719		283		436			UBND TT Vĩnh An	
45	Đường hẻm Đình Thần, tổ 9, khu phố 4, thị trấn Vĩnh An	TT Vĩnh An	2022-2024	1.156	911		380		531			UBND TT Vĩnh An	
46	Đường liên hẻm khu phố 2, thị trấn Vĩnh An	TT Vĩnh An	2022-2024	1.999	1.574		657		917			UBND TT Vĩnh An	
47	Đường Hẻm 3 vào lò Gạch xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2022-2024	1.101	863		371		492			UBND xã Thiện Tân	
48	Đường Hẻm 87 xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2022-2024	798	627		266		361			UBND xã Thiện Tân	
49	Đường Hẻm 67 xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2022-2024	1.139	893		382		511			UBND xã Thiện Tân	
50	Đường Hẻm 1551 xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2022-2024	310	245		100		145			UBND xã Thiện Tân	
51	Đường tổ 9E, đấu nối với đường số 7, ấp 1, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	4.756	2.854			2.854				UBND xã Thạnh Phú	
52	Đường liên tổ 5-6, ấp 5, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	1.017	610			610				UBND xã Thạnh Phú	
53	Đường hẻm tổ 5.4, ấp 5, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	811	487			487				UBND xã Thạnh Phú	
54	Đường hẻm tổ 4, ấp 5, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	887	532			532				UBND xã Thạnh Phú	
55	Đường hẻm 83, liên ấp 7-6, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	1.249	749			749				UBND xã Thạnh Phú	
56	Đường tổ 6, ấp 4 (giai đoạn 1), xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	2.955	1.773			1.773				UBND xã Phú Lý	
57	Đường tổ 11, ấp 4, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	864	518			518				UBND xã Phú Lý	
58	Hẻm tổ 5, ấp 5, xã Thạnh Phú	xã Thạnh Phú	2021-2023	313	147				147			UBND xã Thạnh Phú	
59	Hẻm 81, 82, 83, ấp Tân Triều.	xã Tân Bình	2021-2023	788	358				358			UBND xã Tân Bình	
60	Hẻm 157, 162 ấp Vĩnh Hiệp	xã Tân Bình	2021-2023	1.048	468				468			UBND xã Tân Bình	
61	Đường hẻm 230, 176, ấp Vĩnh Hiệp	xã Tân Bình	2021-2023	707	325				325			UBND xã Tân Bình	
62	Nâng cấp đường hẻm số 3, ấp Vĩnh Hiệp (nâng cấp)	xã Tân Bình	2021-2023	654	295				295			UBND xã Tân Bình	
63	Đường Hố Bông, tổ 8 ấp Cây Xoài xã Tân An	Xã Tân An	2021-2023	2.874	1.309				1.309			UBND xã Tân An	
64	Đường nhánh tổ 7 ấp 6, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2021-2023	952	436				436			UBND xã Vĩnh Tân	
65	Đường tổ 5, ấp 4 xã Vĩnh Tân (Đường tổ 4 ấp 2 nhánh 1(giai đoạn 2 xã Vĩnh Tân)	Xã Vĩnh Tân	2021-2023	4.038	1.730				1.730			UBND xã Vĩnh Tân	
66	Đường nhánh tổ 19 ấp 6 nhánh 1, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	789	364				364			UBND xã Vĩnh Tân	
67	Đường tổ 10 ấp 1, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2021-2023	1.334	598				598			UBND xã Vĩnh Tân	
68	Đường nhánh tổ 16 ấp 3 (nhánh 2), xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2021-2023	861	385				385			UBND xã Hiếu Liêm	
69	Đường nhánh tổ 14 ấp 3, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2021-2023	795	357				357			UBND xã Hiếu Liêm	
70	Đường nhánh tổ 11 ấp 2, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2021-2023	242	115				115			UBND xã Hiếu Liêm	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Chủ đầu tư	Ghi chú
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT	THU PHÍ SDHT		
71	Nâng cấp, sửa chữa đường Bến Be nối dài đường Mía đường	Xã Trị An	2021-2023	3.713	1.760				1.760			UBND xã Trị An	
72	Đường Lò Than, xã Trị An	Xã Trị An	2021-2023	1.952	846				846			UBND xã Trị An	
III	**Chi cho lĩnh vực quy hoạch và quản lý quy hoạch**			**7.912**	**7.593**	**7.143**	-	**450**	-	-	-		
III.1	**Công trình chuyển tiếp**			**2.999**	**2.730**	**2.730**	-	-	-	-	-		
1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Bình Hòa	UBND Bình Hòa	2020-2022	350	271	271						UBND xã Bình Hoà	
2	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Tân Bình	UBND Tân Bình	2020-2022	350	316	316						UBND xã Tân Bình	
3	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Thiện Tân	UBND Thiện Tân	2020-2022	350	323	323						UBND xã Thiện Tân	
4	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Trị An	UBND Trị An	2020-2022	350	255	255						UBND xã Trị An	
5	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Tân	UBND Vĩnh Tân	2020-2022	383	383	383						UBND xã Vĩnh Tân	
6	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Tân An	UBND Tân An	2020-2022	350	316	316						UBND xã Tân An	
7	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Phú Lý	UBND Phú Lý	2020-2022	447	447	447						UBND xã Phú Lý	
8	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Mã Đà	UBND Mã Đà	2020-2022	419	419	419						UBDN xã Mã Đà	
III.2	**Dự án khởi công mới**			**4.913**	**4.863**	**4.413**	-	**450**	-	-	-		
1	Cắm mốc hành lang bảo vệ Suối Sâu	Thị trấn Vĩnh An - xã Vĩnh Tân	2021-2022	527	477	27		450				Phòng KT-HT	
2	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 thị trấn Vĩnh An	Thị trấn Vĩnh An	2022-2023	3.890	3.890	3.890						Phòng KT-HT	
3	Lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu TĐC tại xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2021-2023	496	496	496						Phòng KT-HT	
IV	**Chi lĩnh vực hoạt động QLNN, Đảng, đoàn thể**			**72.189**	**58.968**	**57.018**	-	**1.950**	-	-	-		
IV.1	**Công trình chuyển tiếp**			**26.727**	**14.525**	**14.525**	-	-	-	-	-		
1	Xây dựng mới một số phòng chức năng thuộc UBND huyện (Phòng làm việc của Ban QLDA + TT PTQĐ vv…)	TT Vĩnh An	2020-2022	14.982	5.960	5.960						Ban QLDA	
2	Bồi thường bổ sung do thu hồi đất dự án xây dựng UBND xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2021-2023	1.823	1.823	1.823						UBND xã Thạnh Phú	
3	Bồi thường bổ sung dự án xây dựng trụ sở UBND xã Thạnh Phú cho ông Nguyễn Tấn Dực (theo KL của tòa án tối cao)	Xã Thạnh Phú	2021-2023	3.022	3.022	3.022						UBND xã Thạnh Phú	
4	Xây dựng mới phòng Tài chính - Kế hoạch	TT Vĩnh An	2020-2022	6.900	3.720	3.720						Ban QLDA	
IV.2	**Dự án khởi công mới**			**45.462**	**44.443**	**42.493**	-	**1.950**	-	-	-		
1	Xây dựng Nhà một cửa và tiếp công dân xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2022-2024	2.262	2.262	2.262						Ban QLDA	
2	Xây dựng Nhà một cửa và tiếp công dân xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2022-2024	2.067	2.067	2.067						Ban QLDA	
3	Xây dựng hội trường UBND xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2021-2023	2.100	2.005	2.005						Ban QLDA	
4	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa nhà quân sự UBND TT VA	TT Vĩnh An	2021-2023	3.000	2.967	2.967						Ban QLDA	
5	Sửa chữa một số hạng mục trụ sở phòng Tư pháp	TT Vĩnh An	2021-2022	1.286	1.286	1.286						Ban QLDA	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Chủ đầu tư	Ghi chú
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT	THU PHÍ SDHT		
6	Sữa chữa hội trường UBND xã Thiện Tân	xã Thiện Tân	2022-2024	2.800	2.800	2.800						Ban QLDA	
7	Nâng cấp, sửa chữa nhà ăn Huyện Ủy	Huyện Vĩnh Cửu	2022-2024	2.621	2.280	2.280						VP Huyện Ủy	
8	Cải tạo cảnh quan và nâng cấp, sửa chữa Trụ sở UBND huyện Vĩnh Cửu	TT Vĩnh An	2023-2025	14.999	14.999	14.999						Ban QLDA	
9	Cải tạo, sửa chữa và xây mới nhà kho trong trụ sở UBMTTQ và đoàn thể huyện Vĩnh Cửu	TT Vĩnh An	2023-2025	6.837	6.837	6.837						Ban QLDA	
10	Xây dựng hội trường và nâng cấp sửa chữa một số hạng mục UBND xã Tân Bình	xã Tân Bình	2023-2025	4.990	4.990	4.990						UBND xã Tân Bình	
11	Xây dựng phòng làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã Tân An	Xã Tân An	2021-2022	2.500	1.950			1.950				UBND xã Tân An	
V	**Lĩnh vực cấp thoát nước, nước sạch**			**39.089**	**38.917**	**17.869**	**959**	**20.089**	-	-	-		
	Dự án khởi công mới												
1	Trạm bơm và đường ống cấp nước thô đến nhà máy nước sạch xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2022	14.000	14.869	14.869						Ban QLDA	
2	Mở rộng hệ thống cấp nước sạch khu vực ấp 1, 2 xã Trị An	Xã Trị An	2021-2023	5.000	3.959	3.000	959					Phòng KT-HT	
3	Mở rộng hệ thống cấp nước sạch xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	20.089	20.089			20.089				Ban QLDA	
VI	**Lĩnh vực dịch vụ công ích (KTTC)**			**24.446**	**23.371**	**15.252**	-	**8.119**	-	-	-		
	Dự án khởi công mới												
1	Hệ thống chiếu sáng trên địa bàn huyện (giai đoạn 1)	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2022	6.000	5.396	5.396						Phòng KT-HT	
2	Trồng cây xanh tuyến đường Hương lộ 7	Huyện Vĩnh Cửu	2022-2024	4.068	3.854	3.854						Phòng KT-HT	
3	Trồng cây xanh tuyến đường Hương lộ 9	Huyện Vĩnh Cửu	2022-2024	5.007	4.809	4.809						Phòng KT-HT	
4	Hệ thống chiếu sáng đường trục 16, giai đoạn 2	xã Thạnh Phú	2023-2025	1.252	1.193	1.193						Ban QLDA	
5	Hệ thống chiếu sáng đường Cộ Cây Xoài (đoạn còn lại)	Xã Tân An	2023-2025	3.269	3.269			3.269				Ban QLDA	
6	Hệ thống chiếu sáng đường Bình Chánh (đoạn còn lại)	Xã Phú Lý	2023-2025	4.850	4.850			4.850				Phòng KT-HT	
VII	**Chỉ lĩnh vực điện**			**15.446**	**10.680**	**0**	**0**	**10.680**	**0**	**0**	**0**		
	Dự án khởi công mới												
1	Hỗ trợ xây dựng mới đường dây hạ thế sau TBA ấp 2 - ấp Bàu Phụng xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2022	962	763			763				UBND xã Phú Lý	
2	Đường dây hạ thế sau các TBA ấp 3-4 xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2021-2022	10.250	7.766			7.766				UBND xã Mã Đà	
3	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 8 ấp 4	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	301	160			160				UBND xã Vĩnh Tân	
4	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 8 ấp 1	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	292	161			161				UBND xã Vĩnh Tân	
5	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 8 ấp 5	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	459	242			242				UBND xã Vĩnh Tân	
6	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 6-7, ấp 5	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	438	244			244				UBND xã Vĩnh Tân	
7	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 8 ấp 3	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	402	222			222				UBND xã Vĩnh Tân	
8	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 15, ấp 3	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	131	74			74				UBND xã Vĩnh Tân	
9	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 7 ấp 3	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	350	178			178				UBND xã Vĩnh Tân	
10	Xây mới đường dây hạ thế tuyến đường tổ 4 ấp 3	Xã Vĩnh Tân	2021-2022	307	170			170				UBND xã Vĩnh Tân	
11	Xây mới đường dây hạ thế phục vụ sản xuất nông nghiệp khu Bàu Ngãi, ấp Thái An	Xã Tân An	2021-2022	1.554	700			700				UBND xã Tân An	
VIII	**Lĩnh vực nông nghiệp phục vụ sản xuất**			**14.073**	**13.381**	**10.667**	**0**	**2.714**	**0**	**0**	**0**		
	Dự án khởi công mới												

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Chủ đầu tư	Ghi chú
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT	THU PHÍ SDHT		
1	Thay mới 10 máy bơm công suất 1000 m3/giờ và lắp mới 20 bộ tủ khởi động từ và biến tần các nhà trạm bơm	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2023	3.269	3.269	3.269						TTDVNN	
2	Bê tông hóa kênh dẫn trạm bơm Bình Phước	xã Tân Bình	2021-2023	3.136	3.136	3.136						Ban QLDA	
3	Xây mới, kè chống sạt lỡ trạm bơm Thiện Tân 3	xã Thiện Tân	2021-2023	1.500	808	808						Ban QLDA	
4	Lắp đặt pa lăng trạm bơm Lợi Hòa, Tân An, Thiện Tân 1	xã Thiện Tân	2021-2023	674	674	674						TTDVNN	
5	Bê tông hóa kênh dẫn trạm bơm Bình Hòa 1	Xã Bình Hòa	2022-2025	1.507	1.507	1.507						Ban QLDA	
6	Kiểm định an toàn quy trình vận hành, quy chế phối hợp phương án PCLB hồ Mo Nang	xã Tân An	2021-2022	1.273	1.273	1.273						Phòng NN.PTNT	
7	Bê tông hóa kênh dẫn trạm bơm Long Chiến	Xã Bình Lợi	2023-2025	2.714	2.714			2.714				Ban QLDA	
IX	**Chi lĩnh vực An ninh**			**28.435**	**26.336**	**26.336**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**		
	Dự án khởi công mới												
1	Xây dựng nhà ở tập thể Công an huyện	TT. Vĩnh An	2021-2023	11.000	9.683	9.683						Ban QLDA	
2	Xây dựng kho lưu trữ, hội trường (khoảng 200 chỗ ngồi) Công an huyện	TT. Vĩnh An	2023-2025	8.546	7.793	7.793						Ban QLDA	
3	Nâng cấp, sữa chữa trụ sở Công an xã Thiện Tân	xã Thiện Tân	2023-2025	3.960	3.931	3.931						Ban QLDA	
4	Xây mới một số hạng mục trụ sở Công an xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	4.929	4.929	4.929						UBND xã Thạnh Phú	
X	**Chi lĩnh vực Quốc phòng**			**15.439**	**15.291**	**15.291**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**		
	Dự án khởi công mới												
1	Xây dựng nhà trực ban nội vụ, nhà tiếp dân Ban CHQS huyện	TT. Vĩnh An	2023-2025	3.500	3.500	3.500						Ban QLDA	
2	Xây dựng nhà để xe, kho lưu trữ tài liệu Ban CHQS huyện	TT. Vĩnh An	2021-2023	3.821	3.821	3.821						Ban QLDA	
9	Công trình Quốc phòng (Căn cứ hậu cần - kỹ thuật kết hợp khu thao trường huấn luyện) huyện Vĩnh Cửu	Huyện VC	2021-2022	477	477	477						Ban QLDA	
3	Sửa chữa trụ sở làm việc và nhà làm việc Quân sự xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2023-2025	3.104	2.956	2.956						Ban QLDA	
4	Sửa chữa mái, chống thấm UBND xã và Ban CHQS xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	1.259	1.259	1.259						Ban QLDA	
5	Nâng cấp, mở rộng và xây mới một số hạng mục của Ban CHQS xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	3.278	3.278	3.278						Ban QLDA	
XI	**Lĩnh vực khoa học công nghệ**			**10.600**	**10.600**	**10.600**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**		
	Dự án khởi công mới												
1	Đầu tư nâng cấp thiết bị bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2023	1.327	1.327	1.327						VP. HĐND&UBND	
2	Đầu tư hệ thống an ninh, an toàn thông tin trụ sở UBND huyện Vĩnh Cửu	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2023	1.944	1.944	1.944						VP. HĐND&UBND	
3	Đầu tư trang thiết bị chi Khối Đảng + Khối nhà nước và đoàn thể (Thuộc danh mục mua sắm tập trung và không thuộc danh mục mua sắm tập trung)	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2023	2.143	2.143	2.143						Phòng TC-KH	
4	Đầu tư trang thiết bị cho các phòng ban, cơ quan trên địa bàn huyện năm 2023	Huyện Vĩnh Cửu	2023-2025	2.500	2.500	2.500						Phòng TC-KH	
5	Hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	2.686	2.686	2.686						UBND xã Bình Lợi	
XII	**Lĩnh vực môi trường**			**13.262**	**12.919**	**12.919**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**		
	Dự án khởi công mới												

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Chủ đầu tư	Ghi chú
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT	THU PHÍ SDHT		
1	Xây dựng bãi tập kết rác tại Thị trấn Vĩnh An	Thị trấn Vĩnh An	2023-2025	3.000	3.000	3.000						UBND TT Vĩnh An	
2	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022 -2024	1.795	1.795	1.795						UBND xã Phú Lý	
3	Xây dựng 02 trạm trung chuyển rác thải tại xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu liêm	2022 -2024	2.106	2.106	2.106						UBND xã Hiếu Liêm	
4	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2022 -2024	1.926	1.926	1.926						UBND xã Thạnh Phú	
5	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2022 -2024	1.042	1.042	1.042						UBND xã Mã Đà	
6	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Tân An	Xã Tân An	2022 -2024	3.393	3.050	3.050						UBND xã Tân An	
XIII	**Chi lĩnh vực Văn hóa thông tin**			**61.307**	**59.373**	**16.649**	**7.581**	**35.143**	**0**	**0**	**0**		
	Dự án khởi công mới												
1	Nâng cấp, cải tạo, sữa chữa các hạng mục trung tâm Văn hóa thông tin và Thể thao huyện (nhà thi đấu kết hợp biểu diễn triển lãm huyện)	TT Vĩnh An	2021-2023	7.902	6.000	6.000						Ban QLDA	
2	Sửa chữa công chào huyện tại các xã Vĩnh Tân và Bình Hòa	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2022	2.803	2.803	2.803						Phòng VH-TT	
3	Nâng cấp sửa chữa Trung tâm văn hóa xã Tân An	Xã Tân An	2023-2025	3.246	3.214	3.214						Ban QLDA	
4	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa khu phố 3, TT.Vĩnh An	TT Vĩnh An	2021-2023	498	498	498						UBND TT Vĩnh An	
5	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa khu phố 8, TT.Vĩnh An	TT Vĩnh An	2021-2023	357	357	357						UBND TT Vĩnh An	
6	Sửa chữa nhà văn hóa ấp Bình Trung, xã Tân An	Xã Tân An	2021-2023	366	366	366						UBND xã Tân An	
7	Sửa chữa nhà văn hóa ấp 2, xã Tân An	Xã Tân An	2021-2023	395	395	395						UBND xã Tân An	
8	Cải tạo, sửa chữa thư viện và kho lưu trữ huyện	TT Vĩnh An	2023-2025	3.016	3.016	3.016						Ban QLDA	
9	Xây mới hội trường, một số hạng mục và cải tạo Trung tâm Văn hóa thông tin và thể thao huyện	TT Vĩnh An	2023-2025	30.310	30.310			30.310				Ban QLDA	
10	Sửa chữa Trung tâm VHTT-HTCĐ xã, nhà văn hóa các ấp xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	4.833	4.833			4.833					
11	Xây mới nhà văn hóa ấp Bình Lục - Xã Tân Bình	Xã Tân Bình	2021-2023	1.428	1.428		1.428					Ban QLDA	
12	Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục nhà văn hóa xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2023	3.500	3.500		3.500					Ban QLDA	
13	Làm mới, lắp đặt hệ thống đèn Led phục vụ tết nguyên đán và các ngày lễ lớn trong năm	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2024	2.653	2.653		2.653					Phòng VH-TT	
XIV	**Lĩnh vực Thể dục - Thể thao**			**12.349**	**11.609**	**9.159**	**2.450**	**0**	**0**	**0**	**0**		
XIV.1	**Công trình chuyển tiếp**			**2.700**	**2.450**	**-**	**2.450**	**-**	**-**	**-**	**-**		
1	Nâng cấp, cải tạo sân bóng đá xã Thiện tân	xã Thiện Tân	2020-2022	2.700	2.450		2.450					Ban QLDA	
XIV.2	**Dự án khởi công mới**			**9.649**	**9.159**	**9.159**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		
1	Lắp đặt trang thiết bị, dụng cụ tập luyện thể dục, thể thao trên địa bàn huyện	TT. Vĩnh An	2021-2023	3.480	3.480	3.480						Phòng VHTT-TT	
2	Xây dựng sân bóng đá kết hợp khu thể thao xã Tân An	Xã Tân An	2023-2025	6.169	5.679	5.679						Ban QLDA	
XV	**Giáo dục- Đào tạo-Dạy nghề**			**599.756**	**436.375**	**5.350**	**334.305**	**58.720**	**-**	**38.000**	**-**		
XV.1	**Công trình chuyển tiếp**			**311.455**	**191.613**	**5.350**	**186.263**	**-**	**-**	**-**	**-**		
1	XD mới trường Mầm non Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2020-2022	41.632	1.300		1.300					Ban QLDA	
2	Xây mới khối lớp học 15 phòng trường THCS Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2020-2022	14.976	5.300		5.300					Ban QLDA	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Chủ đầu tư	Ghi chú
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT	THU PHÍ SDHT		
3	Nâng cấp, mở rộng trường THCS Lê Quý Đôn (đạt chuẩn quốc gia)	TT Vĩnh An	2020-2022	14.965	4.973		4.973					Ban QLDA	
4	Trường Mầm non Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2020-2022	31.287	19.179		19.179					Ban QLDA	
5	Trường Mầm non Sơn Ca (Mầm non Cây Gáo)	TT Vĩnh An	2020-2022	49.979	29.587		29.587					Ban QLDA	
6	Xây dựng mới trường TH Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2020-2022	27.000	12.350		12.350					Ban QLDA	
7	Xây mới trường Tiểu học - Trung học cơ sở Mã Đà (vốn huyện 22.033)	Xã Mã Đà	2020-2023	68.864	62.500	2.200	60.300					Ban QLDA	
8	Trường Tiểu học Tân Phú (vốn huyện 12,434)	Xã Thạnh Phú	2020-2023	57.569	51.241	2.000	49.241					Ban QLDA	
9	Xây dựng mô hình thư viện thân thiện tại các trường TH. THCS	Huyện Vĩnh Cửu	2020-2022	2.494	2.494	550	1.944					P. GD&ĐT	
10	Xây dựng khu học tập trải nghiệm sáng tạo stem trong trường học khối Tiểu học	Huyện Vĩnh Cửu	2020-2022	2.689	2.689	600	2.089					P. GD&ĐT	
XV.2	**Dự án khởi công mới**			**288.301**	244.762	-	**148.042**	**58.720**	-	**38.000**	-		
1	Mở rộng trường MN Họa Mi	Xã Thạnh Phú	2021-2023	13.555	13.421		13.421					Ban QLDA	
2	Cải tạo sửa chữa trường MN Tân An	Xã Tân An	2022-2024	3.275	2.972		2.972					Ban QLDA	
3	Xây dựng trường MN Bình Hòa (giai đoạn 2)	Xã Bình Hòa	2022-2023	11.112	11.112		11.112					Ban QLDA	
4	Xây mới Trường tiểu học Cây Gáo B (cơ sở 2)	TT Vĩnh An	2022-2024	33.298	33.298		5.298			28.000		Ban QLDA	
5	Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học Tân An	Xã Tân An	2022-2024	12.113	11.245		11.245					Ban QLDA	
6	Cải tạo sửa chữa trường tiểu học Tân Triều	Xã Tân Bình	2022-2024	12.077	12.077		959	1.118		10.000		Ban QLDA	
7	Cải tạo sửa chữa trường TH Thiện Tân (cơ sở 2)	Xã Thiện Tân	2022-2024	2.986	1.600		1.600					Ban QLDA	
8	Cải tạo sửa chữa trường THCS Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2021-2023	3.841	3.841		3.841					Ban QLDA	
9	Xây dựng nhà vệ sinh thân thiện, sáng, sạch, đẹp tại các trường MN- TH - THCS trên địa bàn huyện	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2023	1.491	1.491		1.491					Ban QLDA	
10	Xây dựng khu học tập trải nghiệm sáng tạo stem trong trường học khối THCS	Huyện Vĩnh Cửu	2021-2023	2.658	2.658		2.658					P. GD&ĐT	
11	Xây dựng khu học tập trải nghiệm sáng tạo stem trong trường học khối MN	Huyện Vĩnh Cửu	2022-2024	2.098	2.000		2.000					P. GD&ĐT	
12	Sửa chữa trường THCS Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2023-2025	5.562	5.562		5.562					Ban QLDA	
13	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Trị An (cơ sở 1)	Xã Trị An	2023-2025	3.212	3.212		3.212					Ban QLDA	
14	Nâng cấp, mở rộng trường tiểu học Bàu Phụng	Xã Phú Lý	2023-2025	20.872	20.872		20.872					Ban QLDA	
15	Xây dựng mới trường THCS Tân Bình	Xã Tân Bình	2023-2026	90.750	50.000		20.000	30.000				Ban QLDA	
16	Xây dựng mới và cải tạo một số hạng mục trường TH Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2026	49.602	49.602		22.000	27.602				Ban QLDA	
17	Xây dựng mới 01 khối phòng học và cải tạo, sửa chữa trường mầm non Phong Lan	TT Vĩnh An	2023-2025	19.799	19.799		19.799					Ban QLDA	
XVI	**Lĩnh vực đảm bảo xã hội**			**13.014**	**11.501**	**10.011**	-	**1.490**	-	-	-		
	Dự án khởi công mới												
1	Xây mới 100 võ mộ liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ huyện Vĩnh Cửu	xã Thiện Tân	2021-2022	2.500	1.811	1.811						Ban QLDA	
2	Cải tạo núi đá công viên, sửa chữa nhà quản trang nghĩa trang liệt sĩ huyện Vĩnh Cửu	Xã Thiện Tân	2022-2024	8.224	8.200	8.200						Ban QLDA	
3	Xây mới nhà bia ghi danh các liệt sĩ xã Tân An	Xã Tân An	2021-2022	2.290	1.490			1.490				UBND xã Tân An	
XVII	**Chi lĩnh vực kinh tế khác**			**30.431**	**30.431**	-	-	**30.431**	-	-	-		
	Khu tái định cư Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025	30.431	30.431			30.431				Ban QLDA	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Tổng Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025						Chủ đầu tư	Ghi chú
						NSTT	XSKT	ĐẤT	TNN	THƯỞNG VƯỢT	THU PHÍ SDHT		
XVII	**Chi lĩnh vực tài chính và khác**			**32.000**	**32.000**	**28.000**	**-**	**4.000**	**-**	**-**	**-**		
1	NSH ủy thác sang NHCSXH để cho vay đối với hộ nghèo và đối tượng chính sách	Huyện Vĩnh Cửu	hàng năm	27.000	27.000	24.000		3.000				NHCSXH huyện	
2	Quỹ hỗ trợ nông dân	Huyện Vĩnh Cửu	hàng năm	5.000	5.000	4.000		1.000				Hội Nông dân	
XIX	**Hỗ trợ khen thưởng NTM**			**6.750**	**6.750**	**-**	**5.750**	**1.000**	**-**	**-**	**-**		
1	**Khen thưởng NTM nâng cao cho xã Vĩnh Tân**	Xã Vĩnh Tân	2021	1.000	1.000		1.000					Cấp chuyển giao	
2	**Khen thưởng NTM nâng cao cho xã Thiện Tân**	Xã Thiện Tân	2022	1.000	1.000		1.000					Cấp chuyển giao	
3	**Khen thưởng NTM xã Tân An**	xã Tân An	2022	1.000	1.000		1.000					Cấp chuyển giao	
4	**Khen thưởng NTM kiểu mẫu xã Tân Bình**	Xã Tân Bình	2023	1.000	1.000			1.000				Cấp chuyển giao	
5	**Hỗ trợ thực hiện XD khu dân cư kiểu mẫu**			**1.350**	**1.350**	**-**	**1.350**	**-**	**-**	**-**	**-**		
	Xã Bình Lợi (03 khu)	Xã Bình Lợi	2022	450	450		450					Cấp chuyển giao	
	Xã Phú Lý (02 khu)	Xã Phú Lý	2022	300	300		300					Cấp chuyển giao	
	Xã Hiếu Liêm (01 khu)	Xã Hiếu Liêm	2022	150	150		150					Cấp chuyển giao	
	Xã Vĩnh Tân (01 khu)	Xã Vĩnh Tân	2022	150	150		150					Cấp chuyển giao	
	Xã Trị An (01 khu)	Xã Trị An	2022	150	150		150					Cấp chuyển giao	
	Xã Tân Bình (01 khu)	Xã Tân Bình	2022	150	150		150					Cấp chuyển giao	
6	**Khen thưởng khu dân cư đạt chuẩn KDC kiểu mẫu**			**1.000**	**1.000**	**-**	**1.000**	**-**	**-**	**-**	**-**		
	Xã Bình Lợi (02 khu)	Xã Bình Lợi	2022	400	400		400					Cấp chuyển giao	
	Xã Tân Bình (03 khu)	Xã Tân Bình	2022	600	600		600					Cấp chuyển giao	
7	**Khen thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao**			**400**	**400**	**-**	**400**	**-**	**-**	**-**	**-**		
	Xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2022	200	200		200					Cấp chuyển giao	
	Xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2022	200	200		200					Cấp chuyển giao	
XX	**Dự phòng chưa phân bổ**				**314.442**	**122.635**	**69.162**	**108.645**			**14.000**		